

Số: 61 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số:6304.....
	Ngày: 27.16.18
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006; Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật về Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Luật Việc làm năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (gọi tắt là xuất khẩu lao động) là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo, phát triển nghề nghiệp, tăng thu nhập cho nhân dân. Xuất khẩu lao động còn là điều kiện tốt để nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp; đúc kết và kinh nghiệm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người lao động sau khi về nước, số lao động này sẽ bổ sung vào lực lượng lao động có tay nghề và kỹ thuật cao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh có 8.041 người đi xuất khẩu lao động, đạt 114,8% Kế hoạch (8.041/7.000 lao động), theo Đề án xuất khẩu lao động huyện nghèo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ là 776 người (Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm).

Tuy nhiên, công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của

tình còn hạn chế. Chất lượng lao động thấp; lao động tham gia vào thị trường có thu nhập cao chưa nhiều (khoảng 30% - 35%/tổng số người đi lao động làm việc ở nước ngoài). Hầu hết doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ, năng lực, sức cạnh tranh yếu. Quyền lợi của người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa được bảo đảm thoả đáng; một bộ phận người lao động ý thức kỷ luật, tác phong làm việc còn kém; vi phạm kỷ luật lao động và luật pháp nước sở tại... làm giảm uy tín, hình ảnh của lao động Việt Nam ở nước ngoài.

Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém là do: Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa thường xuyên, đầy đủ, chưa làm tốt việc đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục pháp luật, phong tục, tập quán,... của nước sở tại cho người lao động. Một số tổ chức và cá nhân lợi dụng việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để trục lợi, lừa đảo người lao động. Việc quản lý, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa thường xuyên, kịp thời và nghiêm minh.

Mặc dù trong thời gian qua tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như: Chi phí hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng, bổ túc nghề theo Quyết định số 262/2008/QĐ-UBND ngày 09/9/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh; Chi phí hỗ trợ khám sức khỏe ban đầu người đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên chính sách hỗ trợ hiện nay không còn phù hợp và chỉ dừng lại ở nhóm đối tượng thuộc diện chính sách, mức hỗ trợ thấp, chưa đủ để khuyến khích người lao động trên địa bàn tỉnh tham gia xuất khẩu lao động ở những thị trường chất lượng cao. Nguồn vốn cho vay xuất khẩu lao động ở mức giới hạn, chưa đáp ứng nhu cầu cho người lao động vay vốn để trang trải đủ chi phí cần thiết theo hợp đồng khi tham gia xuất khẩu lao động ở thị trường có thu nhập cao.

Do đó, việc ban hành Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 là hết sức cần thiết, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và đáp ứng được nhu cầu của lao động có nguyện vọng tham gia xuất khẩu lao động ở thị trường các nước có thu nhập cao.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo, tự vươn lên làm giàu chính đáng của người dân; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nâng cao chất lượng nguồn lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở địa phương trong việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quá trình xây dựng dự thảo dựa trên tính kế thừa các quy định hiện hành; thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 01/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Công văn số 1573/UBND-KGVX ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018-2020;

Dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 đã lấy ý kiến các Sở, Ngành, hội Đoàn thể và UBND các huyện, thành phố bằng văn bản; đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh từ ngày 30/8/2017 đến ngày 15/9/2017 (*nội dung đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh không có ý kiến phản hồi*); thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 60/BC-STP ngày 02/5/2018, UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 33/TTr-UBND tỉnh ngày 15/5/2018.

Sau khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Công văn số 136/HĐND-VHXX ngày 18/5/2018 về việc xây dựng và trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 lấy ý kiến góp ý của các Sở, Ngành, hội Đoàn thể tỉnh và UBND

các huyện, thành phố; đồng thời đăng tải trên công thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 23/5/2018 đến ngày 12/6/2018 (qua theo dõi trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh không có ý kiến phản hồi). Sở Tư Pháp thẩm định tại Báo cáo số 95/BC-STP ngày 12/6/2018, UBND tỉnh hoàn chỉnh trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Điều kiện và mức hỗ trợ

1. Điều kiện được hỗ trợ
2. Mức hỗ trợ

- a) Hỗ trợ người lao động thuộc diện chính sách
- b) Hỗ trợ người lao động không thuộc diện chính sách

c) Hỗ trợ người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều này.

3. Hỗ trợ người lao động vay vốn đi xuất khẩu lao động

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

- a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020.

- b) Đối tượng áp dụng

Tất cả người lao động khi tham gia đi xuất khẩu lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

c) Điều kiện được hỗ trợ

- Tất cả người lao động có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, kể cả thực tập sinh Việt Nam sang Nhật Bản.

- Người lao động sau khi tham gia và hoàn thành khoá học do đơn vị cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài tổ chức hoặc các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh được cấp có thẩm quyền cho phép đào tạo nghề tổ chức cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về đào tạo nghề, ngoại ngữ; xác nhận hoàn thành khoá học bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ

d1) Hỗ trợ người lao động thuộc diện chính sách

- Người lao động đi xuất khẩu lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm để đủ 100% chi phí theo mức chi phí đào tạo ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Người lao động đi xuất khẩu lao động thuộc diện đối tượng là thân nhân của Người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng (trừ thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ) thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức chi phí theo các khoản chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

d2) Hỗ trợ người lao động không thuộc diện chính sách

Người lao động đi xuất khẩu lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ mức kinh phí cho đủ 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh.

d3) Hỗ trợ người lao động không thuộc đối tượng tại điểm d1, d2 nêu trên

Người lao động khi đi xuất khẩu lao động thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ mức kinh phí cho đủ 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh để chi trả các khoản: học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết...

(Chi tiết kinh phí tại phụ lục 01)

đ) Hình thức hỗ trợ

Về quy trình và thủ tục hỗ trợ trực tiếp cho người lao động thông qua Phòng lao động-Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố nơi người lao động cư trú hợp pháp theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

e) Hỗ trợ người lao động vay vốn đi xuất khẩu lao động

Người lao động không thuộc diện chính sách (trừ bộ đội, công an xuất ngũ) khi tham gia đi xuất khẩu lao động được vay 50%/tổng chi phí cần thiết còn lại ghi trong hợp đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội, với lãi suất tiền vay thông thường theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội tại thời điểm vay và thời hạn vay không quá thời hạn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

g) Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

Tổng dự kiến số người đi xuất khẩu lao động giai đoạn 2018 – 2020 được hỗ trợ kinh phí là 2.810 lao động, số tiền: 25,765 tỷ đồng (Hai mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

g1) Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội hằng năm của tỉnh và hỗ trợ từ nguồn kinh phí Trung ương hàng năm.

Chính sách hỗ trợ cho người lao động đi xuất khẩu lao động: 2.560 người, số tiền: 13,765 tỷ đồng.

g2) Nguồn vốn cho vay:

Vay vốn xuất khẩu lao động: 250 người, số tiền: 12 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn dự kiến 3 năm 2018-2020 là 12 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh bố trí là 10 tỷ đồng (Bổ sung năm 2018: 2 tỷ đồng, năm 2019: 4 tỷ đồng, năm 2020: 4 tỷ đồng).

- Vốn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội quản lý bổ sung vào nguồn vốn cho vay xuất khẩu lao động là 2 tỷ đồng (Năm 2019: 1 tỷ đồng, năm 2020: 1 tỷ đồng).

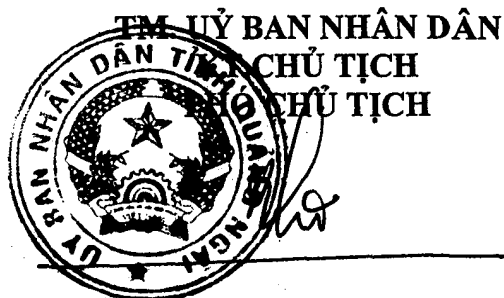
(Chi tiết có bản thuyết minh và phụ lục số 01 đính kèm)

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; hằng năm, tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXX-HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP (VX), KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXthuy337.



Phạm Trường Thọ



THUYẾT MINH

Đề xuất Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020 theo dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết

A. Chính sách hỗ trợ người lao động

I. Chính sách hiện hành

1. Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH ngày 19/5/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định tạm thời đơn giá đào tạo nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động thuộc các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo chính sách tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Đơn giá đào tạo ngoại ngữ (tại Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH):

- + Tiếng Anh: 2.650.000 đồng/học viên/khoá học (300 giờ);
- + Tiếng Trung: 2.650.000 đồng/học viên/khoá học (300 giờ);
- + Tiếng Hàn: 4.500.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ);
- + Tiếng Nhật: 5.900.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ).

2. Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2:

- Người dân tộc thiểu số;
- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;
- Thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy

định chi tiết, hướng dẫn hiện hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

b) Mức đào tạo ngoại ngữ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3: **tối đa 3.000.000 đồng/người/khoá học.**

3. Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- **Điều 15 quy định (Đối tượng hỗ trợ):** Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- **Quy định tại Điều 16 mức hỗ trợ chi phí** đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức và chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài:

+ Người lao động thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số** được hỗ trợ 100% mức chi phí (quy định tại khoản 1)

+ Người lao động thuộc **hộ cận nghèo** được hỗ trợ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ đối với người lao động thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số** (quy định tại khoản 2).

+ Người lao động **khác** cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang được hỗ trợ tối đa bằng 50% mức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài đối với đối tượng thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số** (quy định tại khoản 3)

II. Đề xuất chính sách hỗ trợ của tỉnh

1. Người lao động đi xuất khẩu lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính khi đăng ký tham gia đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, Nhật Bản thì được ngân sách tỉnh **hỗ trợ thêm để đủ 100%** chi phí đào tạo ngoại ngữ do cấp có thẩm quyền ban

hành (Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH ngày 19/5/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

Số tiền hỗ trợ thêm đào tạo ngoại ngữ như sau:

- Tiếng Hàn: 4.500.000 đ - 3.000.000 đ = 1.500.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ);

- Tiếng Nhật: 5.900.000 đ - 3.000.000 đ = 2.900.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ).

2. Người lao động đi xuất khẩu lao động thuộc diện đối tượng là **thân nhân của Người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng** (trừ thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ) thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức chi phí theo các khoản chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

ĐVT: đồng/người

TT	Nội dung	Thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng		
		Các nước khác	Nhật Bản	Hàn Quốc
1	2	5	6	7
I	Mức hỗ trợ cho 01 người lao động	11.990.000	15.240.000	13.840.000
1	Hỗ trợ học nghề: Theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng (Năm 2018, theo Quyết định 490/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh).	2.000.000	2.000.000	2.000.000
2	Hỗ trợ học ngoại ngữ (mức 2.650.000 đồng theo Quyết định số 630/QĐ-BLĐTBXH) đối với các ngoại ngữ: tiếng Anh, Trung (300 giờ/học viên/khoá)	2.650.000	0	0
	-Nhật (mức 5.900.000 đồng theo Quyết định số 630/QĐ-BLĐTBXH)	0	5.900.000	0
	-Hàn (mức 4.500.000 đồng theo Quyết	0	0	4.500.000

	định số 630/QĐ-BLĐTBXH)			
3	Hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức cần thiết (Theo TTLT 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016)	530.000	530.000	530.000
4	Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe (Theo mức giá dịch vụ công tại các cơ sở y tế Bộ quy định, trước mắt tạm tính mức theo TTLT 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016)	750.000	750.000	750.000
5	Hỗ trợ chi phí làm hộ chiếu (Theo TT 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	200.000	200.000	200.000
6	Hỗ trợ chi phí làm thị thực (VISA) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động (Theo TT 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính, tạm tính).	0	0	0
7	Hỗ trợ chi phí làm lý lịch tư pháp (Theo TT 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)	200.000	200.000	200.000
8	Hỗ trợ tiền ăn	-	-	
8.1	-Tiền ăn trong thời gian đào tạo ngoại ngữ (Theo TTLT 09/2016, TT15/2017/TT-BTC), 40.000đ/người/ngày thực học x 26 ngày x 3 tháng)	3.120.000	3.120.000	3.120.000
8.2	-Tiền ăn trong thời gian đào tạo nghề (theo QĐ 1101/QĐ-UBND ngày 23/6/2016, 30.000đ/người/ngày thực học x 26 ngày x 3 tháng)	2.340.000	2.340.000	2.340.000
9	Tiền ở (Theo TT số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017)	0	0	0
10	Tiền đi lại (TTLT 09/2016, TT15/2017/TT-BTC, 1 lượt đi và về/người/khoá học)	0	0	0
10.1	-Từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo cách 15 Km trở lên	200.000	200.000	200.000
10.2	-Từ nơi cư trú vùng ĐBKK đến địa điểm đào tạo cách 10 Km trở lên	0	0	0
11	Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (theo TTLT 31/2009, TT15/2017/TT-BTC: quần áo, chăn, màn, giày, dép...)	0	0	0

3. Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho các đối tượng (Người lao động khác), quy định tại khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

Nước xuất khẩu lao động	Ngân sách Trung ương đã hỗ trợ (50%) Đồng/người				Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm (để bằng 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh)
	Ngoại ngữ	Nghề	Kiến thức cần thiết	Cộng	
-Nhật	2.950.000	1.000.000	265.000	4.215.000	785.000
-Hàn	2.250.000	1.000.000	265.000	3.515.000	1.485.000
- Các nước khác	1.325.000	1.000.000	265.000	2.590.000	2.410.000

4. Hỗ trợ cho người lao động không thuộc diện chính sách cư trú trên địa bàn tỉnh (ngoài các đối tượng nêu trên) thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 5.000.000 đồng/1lao động xuất cảnh để chi trả các khoản: học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết... , cụ thể:

- Hỗ trợ đào tạo nghề: 1.000.000 đồng;
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo ngoại ngữ: 1.500.000 đồng;
- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo ngoại ngữ: mức tối đa 1.360.000 đồng/1lao động xuất cảnh;
- Bồi dưỡng kiến thức cần thiết (hiểu biết về pháp luật, phong tục tập quán nước tiếp nhận lao động..): 265.000 đồng/1lao động xuất cảnh;
- Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe: 375.000 đồng/1lao động xuất cảnh;
- Hỗ trợ chi phí làm hộ chiếu: 100.000 đồng/1lao động xuất cảnh;
- Hỗ trợ chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp: 100.000/1lao động xuất cảnh;
- Hỗ trợ lệ phí làm thị thực (Visa): 300.000 đồng/1lao động xuất cảnh (tạm tính).

B. Chính sách vay vốn

1. Chính sách hiện hành

a) Ngân sách Trung ương:

Được vay tối đa 100% chi phí cần thiết ghi trong hợp đồng được ký giữa người lao động và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Điều 36 Mục III Chương V Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, gồm 5

đối tượng là: (1) Người dân tộc thiểu số; (2) Người thuộc hộ nghèo, (3) hộ cận nghèo; (4) hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, (5) Thân nhân của người có công với cách mạng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

b) Ngân sách địa phương:

Tại Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

-Tại điểm a, Khoản 2, Điều 5 quy định: Các đối tượng chính sách gồm: Thân nhân người có công cách mạng; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; bộ đội, công an xuất ngũ được vay 100%/tổng mức chi phí cần thiết từ Nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để trang trải chi phí khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

-Tại điểm b, Khoản 2, Điều 5 quy định: Các đối tượng khác được vay 50%/tổng mức chi phí cần thiết từ Nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để trang trải chi phí khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Đề xuất chính sách hỗ trợ vay vốn khi đi XKLD

Người lao động không thuộc diện chính sách (trừ bộ đội, công an xuất ngũ đã được vay 100% theo Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017) khi tham gia đi xuất khẩu lao động được vay **50%/tổng chi phí cần thiết còn lại** ghi trong hợp đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội, với lãi suất tiền vay thông thường theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội tại thời điểm vay và thời hạn vay không quá thời hạn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

C. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

Tổng dự kiến số người đi xuất khẩu lao động giai đoạn 2018 – 2020 được hỗ trợ kinh phí là 2.810 lao động, số tiền: 25,765 tỷ đồng (Hai mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội hằng năm của tỉnh và hỗ trợ từ nguồn kinh phí Trung ương hàng năm.

Chính sách hỗ trợ cho người lao động đi xuất khẩu lao động: 2.560 người, số tiền: 13,765 tỷ đồng;

+ Đối tượng chính sách: 1.100 người, số tiền: 9,626 tỷ đồng;

+ Đối tượng không thuộc diện chính sách: 1.460 người, số tiền: 4,139 tỷ đồng;

2. Nguồn vốn cho vay:

Vay vốn xuất khẩu lao động: 250 người, số tiền: 12 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn dự kiến 3 năm 2018-2020 là 12 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh bố trí là 10 tỷ đồng (Bổ sung năm 2018: 2 tỷ đồng, năm 2019: 4 tỷ đồng, năm 2020: 4 tỷ đồng).

- Vốn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội quản lý bổ sung vào nguồn vốn cho vay xuất khẩu lao động là 2 tỷ đồng (Năm 2019: 1 tỷ đồng, năm 2020: 1 tỷ đồng).

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)

D. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (xuất khẩu lao động). Xem công tác xuất khẩu lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần phải xác định và đưa chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Cùng cố đội ngũ cộng tác viên làm công tác xuất khẩu lao động tại các xã, phường, thị trấn; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.

- Tiếp tục mời Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín về tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, tham gia tổ chức truyền hình "Giao lưu-toạ đàm trực tiếp với khán giả tại trường quay S1 Đài Phát thanh-Truyền hình Quảng Ngãi về Chương trình Việc làm-xuất khẩu lao động", 02 chuyên mục/năm và phát lại chuyên mục này trên kênh PTQ cuối tuần vào ngày chủ nhật hằng tháng.

- Các cấp, các ngành phối hợp tạo điều kiện thuận lợi giúp người lao động thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục khi đi xuất khẩu lao động như: chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hộ chiếu, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp... được nhanh chóng, kịp thời.

- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Quảng Ngãi tuyên truyền, hướng dẫn, thực hiện thủ tục vay vốn theo đúng quy định hiện hành, thực hiện giải ngân kịp thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận nguồn vốn tham gia xuất khẩu lao động”.

- Xử lý nợ bị rủi ro, vi phạm hợp đồng đối với chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội và quy định tại Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về công tác xuất khẩu lao động. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm./.

DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Phụ lục số: 1

(Kèm theo Dự thảo Tờ trình số: /TT-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

T	T	Nội dung (Năm)	Chính sách hỗ trợ người lao động đi xuất khẩu lao động														3. Chính sách hỗ trợ người lao động (không thuộc diện chính sách) vay vốn đi xuất khẩu lao động			
			Tổng cộng		1. Mức hỗ trợ người lao động thuộc diện chính sách						2. Mức hỗ trợ người lao động không thuộc diện chính sách									
					Tổng cộng		Cộng		Đối tượng theo Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC được hỗ trợ thêm		Thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng		Cộng		Đối tượng theo Khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC được hỗ trợ bằng 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh				Mức hỗ trợ 5.000.000đ/1 lao động xuất cảnh	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	2018	640	5.245.000.000	590	3.245.000.000	290	2.431.500.000	140	350.000.000	150	2.081.500.000	300	813.500.000	200	313.500.000	100	500.000.000	50	2.000.000.000	
2	2019	980	9.795.250.000	880	4.795.250.000	370	3.324.900.000	160	408.000.000	210	2.916.900.000	510	1.470.350.000	310	470.350.000	200	1.000.000.000	100	5.000.000.000	
3	2020	1.190	10.725.100.000	1.090	5.725.100.000	440	3.870.100.000	200	510.000.000	240	3.360.100.000	650	1.855.000.000	400	605.000.000	250	1.250.000.000	100	5.000.000.000	
Tổng cộng		2.810	25.765.350.000	2.560	13.765.350.000	1.100	9.626.500.000	500	1.268.000.000	600	8.358.500.000	1.460	4.138.850.000	910	1.388.850.000	550	2.750.000.000	250	12.000.000.000	